

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1570/TBĐTĐ - SGTVT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 6 năm 2021

V/v Thông báo kết quả thẩm định
Dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ
34 với xã Nam Quang, Nam Cao,
huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Sở Giao thông vận tải Cao Bằng đã nhận được Tờ trình số 894/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm (Chủ đầu tư) về việc đề nghị thẩm định và trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, kèm theo hồ sơ dự án, kèm theo hồ sơ dự án.

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh Cao

Bảng phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2014-2025 tầm nhìn đến 2035;

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi và chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc chỉ định thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 152/BCTTR-UCT của Công ty TNHH Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản họp thẩm định ngày 29/6/2021 và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Sau khi xem xét, Sở Giao thông Vận tải Cao Bằng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp công trình cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
5. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
6. Giá trị tổng mức đầu tư: 130.000.000.000 (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ đồng*);
7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trong đó:
- Ngân sách trung ương: 110 tỷ đồng
 - Ngân sách địa phương: 20 tỷ đồng
8. Thời gian thực hiện dự án: 2021-2023;
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn khảo sát	
1	Quy phạm đo vẽ, lập bản đồ của Cục đo đạc bản đồ Nhà nước	96 TCN 43 – 90
2	Công tác trắc địa trong xây dựng - yêu cầu chung	TCVN 9398 – 2012
3	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263 – 2000
4	Quy trình KSTK nền đắp trên đất yếu	22 TCN 262 – 2000
5	áo đường mềm - xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman.	TCVN 8867:2011
6	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 355-06
7	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 8352:2012
8	Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
9	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkenman	TCVN 8867:2011
10	Hướng dẫn kỹ thuật công tác địa chất công trình cho xây dựng các vùng cát-sơ	TCVN 9402:2012
11	Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
12	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý đất	TCVN 4195-4202: 1995 và 2012; 2014

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
II	Tiêu chuẩn thiết kế	
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
2	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 104 - 2007
3	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN10380:2014
4	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
5	Áo đường cứng đường ô tô -Tiêu chuẩn thiết kế	22 TCN 223 - 95
6	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22 TCN 211 - 06
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2016/BGTVT
8	Công trình giao thông trong vùng có động đất - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9386 - 2012
9	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
10	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116 : 2012
11	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	TCVN11823-2017
12	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
13	Cọc khoan nhồi – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9396 – 2012
14	Quy trình thiết kế cầu công theo trạng thái giới hạn (tham khảo)	22 TCN 18 – 79
15	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép	TCVN 9115:2012
16	Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
17	Cọc -Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TGVN 9397:2012
18	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 9335:2012
19	Kết cấu bê tông và BTCT toàn khối	TCVN 4453 – 95
20	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651:2008
21	Đá, sỏi xây dựng	TCVN 1772 – 1987
22	Tiêu chuẩn kỹ thuật khe co giãn	AASHTO M297-06

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
23	Yêu cầu kỹ thuật - Bộ neo bê tông dự ứng lực T13, T15 và D13, D15	22TCN 267-2000
24	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ	QCVN 01:2012/BQP
25	An toàn, thi công cầu	TCVN 8774:2012
26	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
27	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
28	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
29	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
30	Xi măng xây trát	TCVN 9002:2012
31	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
32	Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
33	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-1:2012
34	Thiết kế điển hình 86-06X về tường chắn đất bê tông và đá xây của Viện khoa học GTVT	
35	Định hình thiết kế công 533-01-01 và 533-01-02 của Viện khoa học GTVT	

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần xây dựng Đông Nam Bộ;

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần xây dựng Đông Nam Bộ;

12. Nhà thầu tư vấn giám sát công tác khảo sát: Công ty TNHH Giao thông vận tải;

13. Nhà thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Giao thông vận tải.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN:

1. Văn bản pháp lý:

- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình số số 894/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Bảo Lâm;
- Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2014-2025 tầm nhìn đến 2035;
- Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi và chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc chỉ định thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Báo cáo kết quả thẩm tra số 152/BCTTR-UCT của Công ty TNHH Giao thông vận tải.

2. Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Tờ trình thẩm định;
- Báo cáo kết quả khảo sát:
 - + Báo cáo khảo sát địa hình, bản vẽ khảo sát, nhật ký khảo sát địa hình;
 - + Báo cáo kết quả khảo sát địa chất, bình đồ lỗ khoan, nhật ký khảo sát địa chất công trình;
 - + Hồ sơ tính toán thủy văn.
- Hồ sơ thiết kế cơ sở và thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi:
 - + Bản vẽ thiết kế;

- + Bản tính kết cấu cầu và mặt đường.
- Tổng mức đầu tư;
- Báo cáo thẩm tra của Công ty TNHH Đại học giao thông vận tải;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, thiết kế cơ sở lập dự án đầu tư;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ trì khảo sát, chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Công trình: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp kỹ thuật cấp VI miền núi, cấp công trình cấp IV;

3. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Pác Miâu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

4. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 16.000 m²

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần xây dựng Đông Nam Bộ;

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần xây dựng Đông Nam Bộ;

7. Tổ chức tư vấn giám sát khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Giao thông vận tải;

8. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Giao thông vận tải;

9. Chủ nhiệm thiết kế: Nguyễn Duy Tiến;

10. Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu:

Tuyến đường được thiết kế với quy mô đường cấp VI miền núi (theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005), chiều dài tuyến 1.254,12 m.

10.1. Phần cầu:

- Cầu 1 tại Km0+79,24 vượt qua sông Gâm:

+ Cầu gồm 05 nhịp dầm BTCT DUL Ln=24m, tiết diện chữ “I”, chiều dài toàn cầu L=134.3m. Bề rộng toàn cầu B=9m. Mặt cắt ngang cầu gồm 04 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2.4m. Chiều cao dầm chủ h=1,45m;

+ Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan

nhồi $D=1.0\text{m}$;

+ Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1,0\text{ m}$.

- Cầu 2 tại $\text{Km}0+198.57$ vượt qua suối vào xã Nam Quang, Nam Cao

+ Cầu gồm 2 nhịp dầm BTCT DƯỠ $L_n=24\text{m}$, tiết diện chữ “I”, chiều dài toàn cầu $L=61.15\text{m}$. Bề rộng toàn cầu: $B=2 \times 3.25 + 2 \times 0.5 = 7.5\text{m}$;

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 3 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2.45m , chiều cao dầm chủ $h=1,45\text{ m}$;

+ Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1,0\text{ m}$;

+ Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1.0\text{m}$.

10.2. Phân đường:

- Chiều rộng trắc ngang:

+ Chiều rộng mặt đường $3,5\text{m}$ (chưa tính mở rộng trong đường cong);

+ Chiều rộng lề đường $2 \times 1,25\text{m} = 2,5\text{ m}$, trong đó lề gia cố $2 \times 0,75\text{ m} = 1,5\text{ m}$;

+ Chiều rộng nền đường $6,0\text{ m}$

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường BTXM mác 250#.

- Công trình thoát nước thiết kế vĩnh cửu bằng BT, BTCT, đá học xây:

+ Tải trọng thiết kế: H30-XB80, đối với cầu là HL93;

+ Tần suất thiết kế: $P=4\%$ đối với nền, mặt đường; $P=1\%$ đối với cầu.

11. Giải pháp thiết kế:

11.1. Thiết kế bình đồ:

- Bình đồ tuyến thiết kế bảo đảm các yếu tố kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông của địa phương. Bình đồ thể hiện các yếu tố kỹ thuật của đường cong nằm, các công trình xây dựng, vị trí nút giao theo quy hoạch, hệ thống an toàn giao thông.

11.2. Thiết kế trắc dọc:

- Trắc dọc thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, khống chế các điểm đầu và cuối bảo đảm vượt nổi êm thuận. Độ dốc dọc lớn nhất ứng với cấp đường là $I_{\max} = 11\%$, chêm trước địa hình khó khăn là 15% . Bán kính đường cong nằm tối thiểu $R_{\min} = 15\text{m}$, chêm trước $R_{\min} = 8\text{m}$ với địa hình khó khăn.

11.3. Phân cấu:

a) Cầu 1 tại Km0+79,24 vượt qua sông Gâm:

* Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 05 nhịp dầm BTCT DƯỠ L_n=24m, tiết diện chữ “T”, chiều dài toàn cầu L=134.3m. Bề rộng toàn cầu B=9m trong đó:

+ Phần xe chạy = 2x3.5 m = 7,0 m

+ Bề rộng lề an toàn 2x0,5 m = 1,0 m

+ Phần lan can = 2x0,5 m = 1,0 m

- Mặt cắt ngang cầu gồm 04 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2.4m. Chiều cao dầm chủ h=1.45m;

- Độ dốc ngang cầu In=2.0%. Tạo độ dốc ngang cầu bằng thay đổi chiều cao tường thân mố;

- Gờ chắn lan can dùng BTCT 25Mpa đổ tại chỗ. Tay vịn và các chi tiết thép của lan can được mạ nhúng kẽm.

- Khe co dẫn phần xe chạy dùng khe co dẫn dạng thép dạng răng lược, khe co dẫn phần bộ hành dùng khe co giãn thép dạng bản thép trượt.

- Gối cầu dùng gối cao su cốt bản thép nhập ngoại hoặc tương đương.

* Kết cấu phần dưới:

- Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1.0m.

- Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1.0m.

b) Cầu 2 tại Km0+198.57 vượt qua suối vào xã Nam Quang, Nam Cao

* Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 2 nhịp dầm BTCT DƯỠ L_n=24m, tiết diện chữ “T”, chiều dài toàn cầu L=61.15m. Bề rộng toàn cầu: B=2x3.25+2x0.5=7.5m trong đó:

+ Phần xe chạy = 2x3,25 m = 6,5 m

+ Phần lan can = 2x0,5 m = 1,0 m

- Mặt cắt ngang cầu gồm 3 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 2.45m, chiều cao dầm chủ h=1.45m.

- Độ dốc ngang cầu In=2.0%. Tạo độ dốc ngang cầu bằng thay đổi chiều cao tường thân mố.

- Gờ chắn lan can dùng BTCT 25Mpa đổ tại chỗ. Tay vịn và các chi tiết thép của lan can được mạ nhúng kẽm.

- Khe co dẫn phân xe chạy dùng khe co dẫn dạng thép dạng răng lược.
- Gói cầu dùng gói cao su cốt bản thép nhập ngoại hoặc tương đương.

** Kết cấu phần dưới:*

- Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1.0\text{m}$;
- Trụ cầu dạng trụ đặc bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1.0\text{m}$.

11.4. Phần đường:

- * Nền, mặt đường: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi
- + Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}= 6.0\text{m}$;
- + Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=3.5\text{m}$;
- + Chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,25 \text{ m}$, trong đó $B_{\text{lề}} \text{ gia cố} = 2 \times 0,75\text{m}$;
- + Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}}=2\%$;
- + Độ dốc ngang lề đường: $I_{\text{lề}}=4\%$.
- + Nền đường đào có mái dốc ta luy $1/0,3$ đối với địa chất là đá C3, $1/0,75$ đến $1/1$ đối với địa chất là đất;
- + Nền đường đắp lu lèn chặt K95, lớp dưới áo đường lu lèn K98 dày 30cm.
- + Gia cố ta luy nền đường đắp: Gia cố mái ta luy âm bằng tường chắn bê tông xi măng mác 200 bảo vệ ổn định mái ta luy âm nền đường.

** Thiết kế kết cấu áo đường:*

- Kết cấu 1: Áp dụng cho đoạn đường nền đất:

- + Bê tông xi măng mác M250# dày 20 cm;
- + Giấy dầu;
- + Móng trên CPĐD loại I dày 20 cm;
- + Lớp K98 dày 50 cm trên nền đắp hoặc xáo xới 30 cm trên nền đào đất.

- Kết cấu 2: Áp dụng cho đoạn trên nền đá:

- + Bê tông xi măng mác M250# dày 20 cm;
- + Giấy dầu;
- + Móng trên CPĐD loại I dày 20 cm;
- Lề đường: Rộng $2 \times 1,25 \text{ m}$.

** Công trình thoát nước:*

- Công thoát nước: Thiết kế mới 01 công tròn DK=100;
- + Rãnh dọc thoát nước: Rãnh tam giác đối với nền đào là đá.
- * Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế mới công trình phòng hộ tôn sóng, cột Km, cột H, cột tiêu, cột và biển báo phù hợp với QCVN41:2019.
- * Khối lượng thiết kế: Theo hồ sơ trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

- Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở được lập tuân thủ theo Quyết định Việc lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở cơ bản tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Cơ bản đáp ứng yêu cầu của dự án.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận:

- Vị trí cầu 1 xây dựng phù hợp với quy hoạch, tuy nhiên về cốt cao độ xây dựng chưa phù hợp với quy hoạch do có sự chênh cao với quy hoạch là +2,4m phía cuối cầu đi xã Nam Quang. Đề nghị thực hiện theo quy hoạch được duyệt, trong trường hợp bất khả kháng thì đề nghị Chủ đầu tư có văn bản đề nghị UBND tỉnh chủ trương điều chỉnh quy hoạch trước khi phê duyệt dự án.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có):

- Phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư dự án.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị:

- Dự án có đề xuất kết nối với đường giao thông hiện trạng.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

- Thuyết minh thiết kế có đề xuất biện pháp bảo đảm giao thông và an toàn trong quá trình thi công.

- Công tác phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường: Hồ sơ báo cáo có đề cập đến các quy định về môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Đề nghị Chủ đầu tư cung cấp Báo cáo thẩm định hồ sơ đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền trước khi Sở trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

- Dự án cơ bản áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng: Cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật, tuy nhiên đề nghị tư vấn cần chỉnh sửa, bổ sung các nội dung theo biên bản cuộc họp ngày 29/6/2021.

* **Tổng hợp ý kiến các đơn vị tham gia thẩm định:** Có Biên bản họp thẩm định Dự án Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng kèm theo.

V. KẾT LUẬN:

Dự án Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện phê duyệt sau khi Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo các ý kiến thẩm định nêu trên và ý kiến tại Biên bản cuộc họp ngày 29/6/2021.

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải Cao Bằng về hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Cao Bằng (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHKT&QLGT;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Hữu Sơn